

Số: MG/QĐ-LTT-TTGD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận kết quả rèn luyện năm học 2024 – 2025
cho sinh viên lớp 23C1-CCK1**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP.HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGDĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về “Điều lệ trường cao đẳng”;

Căn cứ Quyết định số 403/QĐ-LTT-TC ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành quy chế công tác học sinh, sinh viên trong trường trung cấp, trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-LTT-TTGD ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế công tác sinh viên;

Xét đề nghị của Hội đồng Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên năm học 2025 – 2026 theo biên bản họp ngày 24 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả rèn luyện năm học 2024 – 2025 cho **46** sinh viên lớp 23C1-CCK1 (theo danh sách đính kèm), gồm:

- Xếp loại Khá: 02 sinh viên.
- Xếp loại Trung bình: 36 sinh viên.
- Xếp loại Yếu: 08 sinh viên.

Điều 2. Kết quả rèn luyện năm học 2024 – 2025 là cơ sở để xét kết quả rèn luyện toàn khóa cho sinh viên và được lưu trong hồ sơ quản lý sinh viên theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Ông (Bà) Trưởng đơn vị trực thuộc Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh có liên quan và sinh viên lớp 23C1-CCK1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (để thực hiện);
- Ban Giám hiệu (để biết);
- Lưu: VT, P.TTGD (Tr.H).

Q. HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Văn Đệ

**DANH SÁCH SINH VIÊN LỚP 23C1-CCK1 ĐƯỢC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ RÈN LUYỆN
NĂM HỌC 2024 - 2025**

(Kèm theo Quyết định số 176 /QĐ-LTT-TTGD ngày 24 tháng 4 năm 2026
của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Mã HSSV	Họ	Tên	Lớp học	Học kỳ I		Học kỳ II		Năm học		Ghi chú
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
1	23001674	Nguyễn Văn	Á	23C1-CCK1	50	Trung bình	45	Yếu	48	Yếu	
2	23002218	Lê Tuấn	Anh	23C1-CCK1	50	Trung bình	45	Yếu	48	Yếu	
3	23001967	Trần Thanh Huy	Bảo	23C1-CCK1	50	Trung bình	45	Yếu	48	Yếu	
4	23001603	Võ Hoàng	Bảo	23C1-CCK1	55	Trung bình	55	Trung bình	55	Trung bình	
5	23001702	Đặng Thành	Công	23C1-CCK1	51	Trung bình	51	Trung bình	51	Trung bình	
6	23000589	Nguyễn Đình	Cường	23C1-CCK1	72	Khá	72	Khá	72	Khá	
7	23001570	Phan Tấn	Đạt	23C1-CCK1	54	Trung bình	54	Trung bình	54	Trung bình	
8	23000516	Phan Nhật	Đông	23C1-CCK1	70	Khá	70	Khá	70	Khá	
9	23001616	Trần Văn	Đức	23C1-CCK1	55	Trung bình	55	Trung bình	55	Trung bình	
10	23002024	Bùi Minh Tấn	Được	23C1-CCK1	61	Trung bình	61	Trung bình	61	Trung bình	
11	23001682	Lương Thành	Dương	23C1-CCK1	59	Trung bình	59	Trung bình	59	Trung bình	
12	23001768	Nguyễn Khánh	Duy	23C1-CCK1	60	Trung bình	60	Trung bình	60	Trung bình	
13	23001644	Nguyễn Nhất	Duy	23C1-CCK1	56	Trung bình	56	Trung bình	56	Trung bình	
14	23001973	Trần Trung	Hậu	23C1-CCK1	53	Trung bình	53	Trung bình	53	Trung bình	
15	23002110	Cao Thế	Hiển	23C1-CCK1	51	Trung bình	51	Trung bình	51	Trung bình	
16	23001805	Phạm Thanh	Hoài	23C1-CCK1	56	Trung bình	56	Trung bình	56	Trung bình	
17	23002112	Trịnh Huy	Hoàng	23C1-CCK1	50	Trung bình	45	Yếu	48	Yếu	
18	23002257	Lê Nguyễn Thịnh	Hung	23C1-CCK1	56	Trung bình	56	Trung bình	56	Trung bình	
19	23002111	Hồ Quốc	Huy	23C1-CCK1	53	Trung bình	53	Trung bình	53	Trung bình	
20	23001638	Nguyễn Hoàng	Huy	23C1-CCK1	50	Trung bình	50	Trung bình	50	Trung bình	
21	23002119	Nguyễn Lê Trường	Huy	23C1-CCK1	50	Trung bình	45	Yếu	48	Yếu	
22	23001156	Phạm Gia	Huy	23C1-CCK1	50	Trung bình	45	Yếu	48	Yếu	
23	23001478	Trương Nguyễn Đăng	Khoa	23C1-CCK1	57	Trung bình	57	Trung bình	57	Trung bình	
24	23001945	Nguyễn Văn	Kiệt	23C1-CCK1	58	Trung bình	70	Khá	64	Trung bình	
25	23004788	Đinh Thái	Linh	23C1-CCK1	57	Trung bình	57	Trung bình	57	Trung bình	
26	23002196	Nguyễn Văn	Long	23C1-CCK1	56	Trung bình	45	Yếu	51	Trung bình	
27	23001886	Võ Văn	Long	23C1-CCK1	53	Trung bình	53	Trung bình	53	Trung bình	
28	23000012	Trần Thành	Luân	23C1-CCK1	58	Trung bình	58	Trung bình	58	Trung bình	
29	23002197	Bùi Đức	Lưu	23C1-CCK1	50	Trung bình	50	Trung bình	50	Trung bình	
30	23001887	Ngô Thanh	Phúc	23C1-CCK1	57	Trung bình	57	Trung bình	57	Trung bình	
31	23001974	Mai Thanh	Phước	23C1-CCK1	53	Trung bình	53	Trung bình	53	Trung bình	
32	23002209	Tường Minh	Quang	23C1-CCK1	50	Trung bình	50	Trung bình	50	Trung bình	
33	23001697	Lê Hoàng	Sang	23C1-CCK1	56	Trung bình	45	Yếu	51	Trung bình	

STT	Mã HSSV	Họ	Tên	Lớp học	Học kỳ I		Học kỳ II		Năm học		Ghi chú
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
34	23001975	Trương Hoài	Sơn	23C1-CCK1	52	Trung bình	52	Trung bình	52	Trung bình	
35	23006368	Trần Lê Hữu	Tài	23C1-CCK1	51	Trung bình	51	Trung bình	51	Trung bình	
36	23002059	Lê Chí	Tâm	23C1-CCK1	50	Trung bình	45	Yếu	48	Yếu	
37	23002028	Nguyễn Anh	Thị	23C1-CCK1	58	Trung bình	58	Trung bình	58	Trung bình	
38	23002198	Võ Văn	Tiên	23C1-CCK1	53	Trung bình	53	Trung bình	53	Trung bình	
39	23001516	Nguyễn Trọng	Tín	23C1-CCK1	52	Trung bình	52	Trung bình	52	Trung bình	
40	23001534	Đinh Xuân Cường	Trí	23C1-CCK1	51	Trung bình	51	Trung bình	51	Trung bình	
41	23002013	Hồ Đoàn Thanh	Trí	23C1-CCK1	45	Yếu	45	Yếu	45	Yếu	
42	23002190	Nguyễn Đức	Trọng	23C1-CCK1	60	Trung bình	60	Trung bình	60	Trung bình	
43	23001932	Lê Hoàng	Tú	23C1-CCK1	52	Trung bình	52	Trung bình	52	Trung bình	
44	23002246	Nguyễn Thanh	Tú	23C1-CCK1	53	Trung bình	53	Trung bình	53	Trung bình	
45	23002132	Khương Đại	Vệ	23C1-CCK1	50	Trung bình	50	Trung bình	50	Trung bình	
46	23002128	Trương Đại	Vệ	23C1-CCK1	52	Trung bình	52	Trung bình	52	Trung bình	

THÔNG KÊ		
Xuất sắc	0	0,00%
Tốt	0	0,00%
Khá	2	4,35%
Trung bình	36	78,26%
Yếu	8	17,39%
TỔNG:	46	100%